TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-PT
Ngày 17 - 3 - 2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2024/TLPT-DS ngày 06/11/2024 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2024/QĐ-PT ngày 12/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 18/2025/TB-TA ngày 06/02/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2025/QĐPT-KDTM ngày 24/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đức P, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: T, tổ B, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Hoàng Sỹ T, sinh năm 1979 (có mặt) và ông Lê Anh V, sinh năm 1998 (vắng mặt); cùng địa chỉ: E đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Tổng công ty B1;

Địa chỉ: Số G, L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Nguyễn Hồng T1, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền số 1229/UQ-BHBV ngày 19/02/2025:

1. Bà Đỗ Phương A, chức vụ: Phó giám đốc Ban Pháp chế và Kiểm tra nội bộ (vắng mặt);

2. Bà Đỗ Minh A1, chức vụ: Chuyên viên Ban Pháp chế và Kiểm tra nội bộ (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Quang H, chức vụ: Chuyên viên Ban Giám định bồi thường Hàng hải (vắng mặt);

4. Ông Trần Việt H1, chức vụ: Nhân viên phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh – Công ty B1 (có mặt);

- Người kháng cáo: Tổng Công ty B1; là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Phạm Đức P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/2/2020, ông Phạm Đức P ký Hợp đồng bảo hiểm số 3706959 với Công ty B1 (thuộc Tổng Công ty B1 – viết tắt Công ty B1) đối với tàu cá BV-92379-TS, số tiền bảo hiểm thân tàu 400.000.000 đồng (vỏ tàu 395.000.000 đồng, máy tàu 5.000.000 đồng), thời hạn bảo hiểm từ ngày 24/2/2020 đến ngày 15/2/2021. Ông P đã đóng đủ tiền bảo hiểm và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 3706959 ngày 24/2/2020.

Ngày 21/12/2020, Tàu BV-92379-TS xuất bến tại xã P, trên tàu có 05 thuyền viên, không có máy trưởng. Ngày 22/12/2020, tàu bị hỏng hộp số nên ông P cho tàu chạy vào bãi ngang Mũi Đ để sửa chữa, sau khi sửa xong khoảng 12 giờ cùng ngày, tàu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Đến 15 giờ ngày 23/12/2020, do thời tiết xấu, ông P cho tàu ngừng hoạt động về neo đậu tại mũi gang Kê Gà để tránh bão. Khoảng 01 giờ 48 phút, ngày 24/12/2020, sóng to gió lớn, tàu bị đứt neo, trôi dạt và mắc cạn tại khu vực mũi H. Tai nạn làm tàu bị vỡ ván gỗ, nghiêng trái, mắc cạn và chìm đắm, nước ngập vào các khoang hầm. Ông P cùng các thuyền viên tìm mọi cách trục vớt tàu nhưng không được nên ông bỏ tàu và xác định tàu bị thiệt hại toàn bộ.

Sau tai nạn, ông P báo ngay cho Đồn biên phòng T5, Bình Thuận và Công ty B1. Sau đó, ông đã nhiều lần gửi đơn đến Công ty B1 để yêu cầu trả tiền bảo hiểm nhưng Công ty B1 không trả. Ngày 14/10/2021, Công ty B1 có văn bản số 434/BVBR-HTKD từ chối trả tiền bảo hiểm vì lý do "Tàu không có thuyền trưởng và/hoặc máy trưởng", trường hợp của ông nằm trong khoản loại trừ trách nhiệm của Bảo hiểm B1.

Ông không đồng ý với lý do trên, bởi tại thời điểm tai nạn, tàu đã ngừng hoạt động khai thác, đang neo đậu tại Mũi Đ để trú ẩn, tránh bão và do thiên tai, gió lớn, sóng to làm tàu bị đứt neo, trôi dạt, mắc cạn, chìm tàu.

Gia đình ông P kiếm sống bằng nghề đánh bắt, tàu cá là tất cả tài sản của gia đình nên tàu cá bị tai nạn, Công ty B1 không trả tiền bảo hiểm khiến gia đình ông P rơi vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn.

Tàu cá là tài sản riêng của cá nhân ông P, không liên quan vợ ông là bà Trần Thị Hồng M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Tổng Công ty B1 phải trả tiền bồi thường cho ông P 387.100.000 đồng (tiền bảo hiểm 395.000.000 đồng khấu trừ 2%) tiền bảo hiểm thân vỏ đối với tàu cá BV-92379-TS theo hợp đồng bảo hiểm.

- Ông P tự nguyện rút yêu cầu trả số tiền bảo hiểm máy tàu là 5.000.000 đồng.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - Tổng Công ty B1 do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty xác nhận ông Phạm Đức P – Chủ tàu cá BV-92379-TS tham gia bảo hiểm tại Công ty B1 (thuộc Tổng Công ty B1) theo đơn bảo hiểm số 3706959 ngày 24/2/2020, với số tiền là 400.000.000 VNĐ (vỏ tàu: 395.000.000 VNĐ; máy tàu: 5.000.000 VNĐ); Điều kiện bảo hiểm A-QTTC/BV-2016.

Ngày 21/12/2020, tàu BV-92379-TS xuất bến tại P ra khơi với 04 thuyền viên mà không có máy trưởng đi đánh bắt trên vùng biển Bình Thuận.

Sáng ngày 22/12/2020, tàu bị hỏng hộp số nên ông P đã cho tàu chạy vào bãi ngang Mũi Đ để sửa chữa. Đến khoảng 12h cùng ngày, tàu tiếp tục hoạt động khai thác. Khoảng 19 giờ 00 ngày 23/12/2020, ông P cho tàu vào neo đậu tại khu vực mũi ngang Kê Gà. Trong lúc đang nghỉ ngơi, khoảng 01giờ 48 phút ngày 24/12/2020, tàu bất ngờ đứt neo trôi dạt và mắc cạn tại khu vực mũi H, Bình Thuận. Sau khi mắc cạn, tàu BV- 92379-TS bị sóng lớn đánh vỡ mạn trái, nước tràn vào các khoang hầm. Nhận thấy tình hình nguy cấp, toàn bộ thuyền viên đã ôm phao rời bỏ tàu, bơi vào bờ. Sau đó, tàu đã bị chìm tại khu vực bờ biển thôn C, xã T, H, Bình Thuận. Khoảng 07h30 ngày 24/12/2020, chủ tàu là ông P đã trình diện và thông báo sự cố tới Đồn biên phòng T5.

Ngày 25/12/2020, ngay khi nhận được thông tin về sự cố, giám định viên của Công ty B1 đã có mặt tại khu vực tàu BV-92379-TS bị chìm đắm để tiến hành xem xét đánh giá mức độ, nguyên nhân của tổn thất. Tại phiên tòa, Công ty B1 đồng ý ý kiến của nguyên đơn về việc xác định tổn thất của tàu BV-92379-TS là toàn bộ.

Theo biên bản giám định của Công ty B1, căn cứ biên bản xác minh vụ việc có xác nhận của UBND ấp T6, xã P, đồn biên phòng T5 và lời khai của

những người biết sự việc tại đồn biên phòng T5, nguyên nhân dẫn tới sự cố đứt dây neo, trôi dạt mắc cạn và chìm đắm của tàu BV-92379-TS là do: "Ngày 24/12/2020, trong khi đang nghỉ ngơi, tàu BV-92379-TS bị đứt dây neo, trôi dạt lên cạn và chìm đắm...". Tại thời điểm xảy ra tổn thất, trên tàu BV-92379-TS không có máy trưởng.

Ngày 14/10/2021, Công ty B1 đã có Công văn số 434/BVBR-HTKD gửi ông P thông báo sự cố trên thuộc điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm thân tàu đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam của BHBV (Điều kiện bảo hiểm A-QTTC/BV-2016).

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, Công ty B1 không đồng ý bồi thường số tiền 387.100.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 3706959 ngày 24/2/2020 do Tàu BV-92379-TS không có máy trưởng vào thời điểm tàu BV-92379-TS xảy ra tổn thất thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm, không phát sinh trách nhiệm bồi thường của BHBV tại Mục 6, Điều 8, Chương III Qui tắc Bảo hiểm thân tàu cá QTTC/BV-2016 của BHBV.

3. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Hồng M trình bày:

Bà M là vợ của ông P, tàu cá BV-92379-TS là tài sản riêng của ông P, đứng tên cá nhân ông P là chủ sở hữu, ông P ký Hợp đồng bảo hiểm một mình với tư cách cá nhân. Do đó, bà không liên quan đến tàu cá và Hợp đồng bảo hiểm tàu cá với Công ty B1. Bà M đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người làm chứng – ông Võ Trí T2 trình bày:

Ngày 24/12/2020, khi tàu ông T2 đang ở vùng biển Bình Thuận thì qua bộ đàm biết thông tin tàu cá của ông P bị tai nạn tại mũi Điện nên ông điều khiển tàu tìm kiếm cứu giúp. Sáng ngày 25/12/2020, đến mũi H thì thấy Tàu cá BV92379TS đã bị chìm nghiêng, nước tràn vào các khoang hầm, mắc cạn nên ông gọi thêm mấy tàu cá cùng hội đi biển P gần khu vực đó đến cứu giúp. Ông gọi thêm được 05 tàu cá của anh Đặng P1, tàu của anh T3, tàu ông Tám Đ, tàu anh Thành K, tàu anh T4 đến cứu kéo giúp. Sáu tàu cá buộc dây nối đuôi nhau, rồi dùng dây thừng to buộc vào tàu cá BV92379TS kéo ra hướng biển. Các tàu đã cố hết sức kéo, nhưng tàu cá BV92379TS bị mắc cạn rất nặng nên hơn 06 tiếng không thể kéo được thì theo kinh nghiệm của người đi biển, ông xác định tàu không thể cứu kéo được, ông và các tàu khác bỏ lại tàu, đi biển đánh cá tiếp.

5. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người làm chứng - ông Đặng Phương trình bày:

Vào sáng ngày 25/12/2020, khi tàu ông đang đánh bắt cá ở vùng biển Bình Thuận nghe qua bộ đàm biết tàu cá của ông P bị tai nạn ở mũi H nên ông điều khiển tàu cá đến khu vực đó để cứu giúp. Khi đến mũi Hòn Lan khoảng sáng ngày 25/12/2020 thì thấy tàu cá BV92379TS đã bị vỡ mạn tàu, chìm nghiêng. Lúc đó có khoảng 05 tàu cá của anh Võ Trí T2, tàu của anh T3, tàu ông

Tám Đ, tàu anh Thành K, tàu anh T4 đều là hội tàu Phước Tỉnh đến cứu giúp. Mọi người đưa ra phương án khả thi nhất là sáu tàu cá, buộc dây nối đuôi nhau, rồi dùng dây thừng to buộc vào tàu cá BV92379TS kéo ra hướng biển. Sáu tàu đã cố hết sức kéo, nhưng tàu bị mắc bùn nhầy rất nặng nên kéo khoảng 06 tiếng không thể đưa tàu ra khỏi điểm mắc cạn. Theo kinh nghiệm của người đi biển, ông xác định tàu mắc cạn nên không thể cứu kéo được, Do đó, mọi người bỏ tàu.

6. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức P về việc "Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm" đối với Tổng Công ty B1.

Buộc Tổng Công ty B1 phải thanh toán tiền bảo hiểm thân tàu cá BV-92379-TS cho ông Phạm Đức P là 387.100.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu buộc Tổng Công ty B1 phải thanh toán 5.000.000 đồng tiền bảo hiểm máy tàu cá BV-92379-TS của ông Phạm Đức P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, tiền án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

7. Nội dung kháng cáo:

Ngày 11/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - Tổng Công ty B1 có nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

8. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

9. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; để tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Tổng Công ty B1 (gọi tắt là Công ty B1) đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, hoặc đã có người đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa; căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B1 thì thấy:

[2.1] Theo xác nhận của ông Phạm Đức P và Tổng Công ty B1 thì có căn cứ để xác định: Ngày 24/2/2020, ông Phạm Đức P ký Hợp đồng bảo hiểm số 3706959 với Công ty B1 (thuộc Tổng Công ty B1) đối với tàu cá BV-92379-TS, số tiền bảo hiểm thân tàu 400.000.000 đồng (trong đó: vỏ tàu 395.000.000 đồng, máy tàu 5.000.000 đồng), thời hạn bảo hiểm từ ngày 24/2/2020 đến ngày 15/2/2021. Ông P đã đóng đủ tiền bảo hiểm và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 3706959 ngày 24/02/2020. Do đó, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với tàu cá BV-92379-TS thì Tổng Công ty B1 phải có nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm cho ông Phạm Đức P.

[2.2] Theo trình bày của ông P thì: Vào lúc 15 giờ ngày 23/12/2020, do thời tiết xấu nên ông P cho tàu BV-92379-TS ngừng hoạt động về neo đậu tại bãi ngang Kê G để trú ẩn. Khoảng 01 giờ 48 phút, ngày 24/12/2020, sóng to gió lớn, tàu bị đứt neo, trôi dạt và mắc cạn tại khu vực mũi H. Tai nạn làm tàu bị vỡ ván gỗ, nghiêng trái, chìm đắm, nước ngập vào các khoang hầm.

Lời trình bày của ông P hoàn toàn phù hợp với Giấy chứng nhận tai nạn đường thủy ngày 28/12/2020 của Đồn Biên phòng T5 xác định: Vào ngày 24/12/2020, tại khu vực biển xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, thời tiết xấu, có gió to cùng sóng lớn và xác nhận tổn thất hiện tại Tàu BV-92379-TS bị mắc cạn, chìm đắm, nước ngập vào các khoang hầm, chủ phương tiện đã tìm mọi cách để trục vớt tàu nhưng chưa thực hiện được.

Sau khi tai nạn xảy ra, ông P đã tìm mọi cách khắc phục thiệt hại về tài sản như: thuê xe múc và dùng 06 tàu khác để kéo tàu bị tai nạn ra khỏi vùng mắc cạn nhưng không trục vớt, cứu kéo được là đúng với lời khai của người làm chứng ông Võ Trí T2, ông Đặng P1 và phù hợp với nội dung xác nhận tại văn bản số 229/CV-ĐBP ngày 27/3/2024: *"ông* Phạm Đức P *đã tìm mọi cách (thuê xe múc, phương tiện, nhân công…) để trục vớt tàu cá BV-92379-TS nhưng không thành"* của Đồn Biên phòng T5.

Đồng thời, tại biên bản giám định ngày 24/12/2020, Công ty B1 đã xác định thiệt hại và tổn thất như sau: "*Tàu cá BV92379TS bị mắc cạn và chìm nghiêng sang trái, nước ngập vào các khoang hầm, sóng lớn tiếp tục đánh và phủ qua boong tàu, mạn trái tàu hướng ra mặt biển bị sóng đánh bung bể ván"*. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty B1 xác định tổn thất tàu cá BV-92379-TS là toàn bộ, do đó có căn cứ để xác định số tiền bảo hiểm mà ông P được hưởng theo giấy chứng nhận bảo hiểm đã ký kết là: 395.000.000 đồng.

Như vậy, đã có sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với tàu BV-92379-TS; sự kiện bảo hiểm xảy ra nguyên nhân là do thời tiết xấu, gió to, sóng lớn, làm tàu đứt neo bị trôi dạt, mắc cạn, chìm tàu; dẫn tới tổn thất toàn bộ tàu. Đây là sự kiện khách quan do các bên đã thỏa thuận được quy định tại Điều 3 của Phần I Quy tắc bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam của Tổng Công ty B1. Do đó Tổng Công ty B1 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đức P đối với thiệt hại toàn bộ tàu BV-92379-TS.

[2.3] Xét ý kiến việc Tổng Công ty B1 không đồng ý trả tiền bảo hiểm vì lý do tàu cá của ông P thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, tàu cá của ông P vi phạm quy định tại mục 6 Điều 8, chương 3 phần I Quy tắc bảo hiểm thân tàu đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam, cụ thể: Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra trong các trường hợp "*Tàu không có thuyền trưởng và/hoặc máy trưởng hoặc thuyền trưởng và/hoặc máy trưởng không có bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản) hoặc tai nạn nạn xảy ra do những người này bị cơ quan chức năng xác định là bị ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy, hoặc các chất kích thích tương tự khác*", thì thấy:

Thứ nhất, những quy định về việc Bảo V1 không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra trong Quy tắc bảo hiểm thân tàu không phải áp dụng chung cho mọi loại tàu và mọi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Mỗi quy định loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm thân tàu được áp dụng cho mỗi loại sự kiện bảo hiểm xảy ra. Cụ thể, đối với những tàu không bố trí máy trưởng thì không cần quy định tàu phải có máy trưởng mới được bồi thường, hoặc sự kiện bảo hiểm xảy ra như: mất tích, động đất, sạt lở, núi lửa phun, bão tố, sóng thần, mưa đá và sét đánh thì quy định trên tàu neo đậu phải có máy trưởng là không phù hợp.

Thứ hai, quy định "*Tàu không có máy trưởng"* chỉ áp dụng khi tàu đang hoạt động gặp sự cố về kỹ thuật của toàn bộ hệ thống động lực của tàu, bộ phận máy, điện và điện lạnh của tàu, nhưng do trên tàu không có máy trưởng đã dẫn đến không khắc phục kịp thời, là nguyên nhân gây ra tàu bị tai nạn như chìm, đắm và lỗi này thuộc về chủ tàu; do đó Công ty B1 được loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, trong vụ án này, nguyên nhân dẫn tới tàu BV-92379-TS bị tai nạn không phải xuất phát từ việc trên tàu không có máy trưởng, mà nguyên nhân là do sự kiện bất khả kháng là thiên tai, bão tố; do đó, quy định "*Tàu không có thuyền trưởng và/hoặc máy trưởng"* không thể áp dụng đối với tai nạn của tàu BV-92379-TS. Như vậy, những quy định loại trừ trách nhiệm bảo

hiểm trong quy tắc bảo hiểm thân tàu được áp dụng cho từng loại sự kiện bảo hiểm.

Thứ ba, giấy chứng nhận bảo hiểm được Công ty B1 soạn sẵn nội dung, ghi chú kèm theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu đối với tàu cá hoạt động trong vùng biển Việt Nam ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty B1. Tuy nhiên, trên giấy chứng nhận bảo hiểm không quy định rõ trường hợp Bảo V1 không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra khi trên tàu không có máy trưởng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P cho rằng khi ký hợp đồng bảo hiểm, ông không được biết và không được giải thích về các trường hợp loại trừ bảo hiểm. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn trình bày Hợp đồng bảo hiểm kèm theo Quy tắc, Công ty B1 đã giải thích các nội dung trong quy tắc nhưng Công ty B1 không cung cấp được chứng cứ về việc đã giao bản quy tắc và giải thích các điều khoản loại trừ cho ông P là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

Thứ tư, mục đích của việc tham gia bảo hiểm là để nhằm giảm bớt những thiệt hại xảy ra bất ngờ mà chính người tham gia không thể biết trước được. Do đó, nay Công ty B1 từ chối trả tiền bảo hiểm cho ông P là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Do đó, không có căn cứ để áp dụng quy định "*Tàu không có thuyền trưởng và/hoặc máy trưởng"* trong bộ Quy tắc bảo hiểm thân tàu để xác định cho Công ty B1 được từ chối trả tiền bảo hiểm cho ông P. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, để buộc buộc Công ty B1 phải thanh toán tiền bảo hiểm tàu cá BV-92379-TS cho ông P với số tiền 387.100.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B1.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Đức P rút yêu cầu buộc Tổng Công ty B1 phải thanh toán 5.000.000 đồng tiền bảo hiểm máy tàu cá BV-92379-TS; Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông P là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Công ty B1 phải chịu là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên Tổng Công ty B1 phải chịu là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B1;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể:

Áp dụng: Điều 351 Bộ luật dân sự, các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 21, 46 Luật Kinh Doanh bảo hiểm năm 2000; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức P về việc "Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm" với Tổng Công ty B1.

Buộc Tổng Công ty B1 phải thanh toán tiền bảo hiểm tàu cá BV-92379-TS cho ông Phạm Đức P là 387.100.000đ (ba trăm tám mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu buộc Tổng Công ty B1 phải thanh toán 5.000.000 đồng tiền bảo hiểm máy tàu cá BV-92379-TS của ông Phạm Đức P.

3. Chi phí tố tụng: Tổng Công ty B1 phải thanh toán cho ông Phạm Đức P số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

4. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty B1 phải chịu 19.355.000đ (Mười chín triệu ba trăm năm mươi năm ngàn đồng).

Trả lại cho ông Phạm Đức P số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0002006 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty B1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004266 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Tổng Công ty B1 đã nộp xong.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2025).

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

Cao Xuân Long